

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T ; nơi cư trú: Thôn TD, xã HN, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đỗ Trường S ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TD, xã HN, huyện VB, thành phố Hải Phòng, hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Đỗ Trường S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17-9-2013 tại Ủy ban nhân dân xã HN, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận hạnh phúc được 04 năm

đầu thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, mặt khác anh S sử dụng ma túy nên vợ chồng đã xảy ra bất hòa. Từ tháng 4/2017 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Trường S .

Về con chung: Chị và anh Đỗ Trường S có 01 con chung là Đỗ H Đ, sinh ngày 28-02-2017. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh S .

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Trường S xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 04 năm đầu thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm nên đã xảy ra bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T đã đưa con về mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là Đỗ H Đ, sinh ngày 28-02-2017. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị T .

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Trường S. Về con chung: Giao con Đỗ H Đ, sinh ngày 28-02-2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh S tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị T và anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Đỗ Trường S có hộ khẩu thường trú tại Thôn TD, xã HN, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Trường S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Trường S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh S vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Trường S.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Trường S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HN, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 17-9-2013, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có một con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Nay chị T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn với anh S. Quá trình giải quyết vụ án, anh S đồng ý ly hôn với chị T. Qua xác minh thì thấy vợ chồng chị T và anh S có mâu thuẫn nên chị T đã đưa con chung về gia đình chị sinh sống. Anh S hiện đang cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở ma túy số A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Đỗ Trường S phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Trường S có một con chung là Đỗ H Đ, sinh ngày 28-02-2017. Khi ly hôn, chị T và anh S cùng đề nghị nghị Tòa án giao con chung cho anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu đề nghị nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T có nơi ở và thu nhập ổn định, cháu Đỗ H Đ hiện đang ở với chị T được chị chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo, anh Đỗ Trường S hiện đang cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số A, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh S tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Trường S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Trường S.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ H Đ, sinh ngày 28-02-2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Trường S tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Trường S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002272 ngày 26 tháng 5 năm 2022. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã HN huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền